

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN CR  
THÀNH PHỐ CT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNST.

Ngày: 14/7/2020

Về tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CR**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Huỳnh Thị Kim Xuân.**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Võ Thành Hưng.**

**Ông Nguyễn Văn Mến.**

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Trần Thị Bích Trương** – Thư ký Tòa án nhân dân quận CR, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận CR xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2020/TLST- HN, ngày 09 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2020/QĐXX - ST, ngày 09 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2020/QĐST – HN ngày 19 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị G**, sinh năm: 1982. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp ĐB, thị trấn NS, huyện CT, tỉnh HG.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Tấn T**, sinh năm: 1952. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 09, khu vực 7, phường HP, quận CR, TPCT.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***\* Nguyên đơn bà - Đỗ Thị G trình bày và yêu cầu:***

Bà và ông T chung sống từ năm 2008 có đăng ký kết hôn tại UBND phường HP, quận CR, hôn nhân là tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm, chồng nhậu nhẹt không lo cho vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi dẫn đến tình cảm phai nhạt, do đó bà đã bỏ về nhà mẹ và ly thân hơn 01 năm. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với ông Nguyễn Tấn T nên xin được ly hôn.

Về con chung: Có 02 cháu tên là Nguyễn Gia H (nam), sinh ngày 20/01/2008 và Nguyễn Gia B (nam), sinh ngày 28/10/2012 hiện đang sống chung với cha nên bà đồng ý giao con cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

*\* Bị đơn ông Nguyễn Tấn T trình bày và yêu cầu:*

Ông đồng ý với lời trình bày của nguyên đơn. Tuy nhiên, ông cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bà G có liên lạc và nhắn tin với người khác bị ông phát hiện nên mới dẫn đến cự cãi rồi bà G bỏ về bên nhà ngoại ở đã hơn 01 năm nay. Từ khi vợ bỏ nhà đi đến nay ông cũng đã sửa chữa bản thân không còn nhậu nhẹt, chăm lo cho con chỉ mong vợ thay đổi để về lo cho con chứ ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 cháu tên là Nguyễn Gia H (nam), sinh ngày 20/01/2008 và Nguyễn Gia B (nam), sinh ngày 28/10/2012 hiện đang sống chung với ông, trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bà G cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

***Tại phiên tòa:***

\* Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

\* Bị đơn vắng mặt và không có văn bản nào thay đổi ý kiến. Tòa án đã triệu tập họp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra lại tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật:** Nguyên đơn, bị đơn chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Nay nguyên đơn có yêu cầu ly hôn với bị đơn thì đây là loại tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận CR, TPCT theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải và công bố chứng cứ mới tiến hành xét xử công khai theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt dù đã được triệu tập họp lệ nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] **Về nội dung tranh chấp và căn cứ khởi kiện:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Giữa nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2008 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng đã không còn. Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn kiên quyết ly hôn vì cho rằng không thể

tiếp tục chung sống với bị đơn vì tình cảm đã không còn, nếu ép buộc chung sống thì cũng không thể khắc phục được những mâu thuẫn vợ chồng để chung sống hạnh phúc được nữa vì mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, mặc dù Hội đồng xét xử đã phân tích và động viên để vợ chồng được đoàn tụ lại nhưng bà G vẫn kiên quyết ly hôn. Đồng thời, phía bị đơn tuy có lời trình bày tại phiên hòa giải ngày 10/3/2020 là không đồng ý ly hôn vì muốn đoàn tụ lại nhưng ông T không đưa ra được những biện pháp khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm vợ chồng và từ khi hòa giải đến nay bị đơn cũng không đến Tòa án thể hiện thiện chí của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để buộc bà G đoàn tụ lại với ông T. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài vì mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà Đỗ Thị G là có cơ sở để được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Có 02 cháu tên là Nguyễn Gia H (nam), sinh ngày 20/01/2008 và Nguyễn Gia B (nam), sinh ngày 28/10/2012, cả 02 con chung hiện vẫn đang sống chung với ông T. Quá trình hòa giải, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất giao con chung cho bị đơn tiếp tục nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu giao con cho bị đơn nuôi dưỡng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và không ai đặt vấn đề cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà G, không ai được quyền cản trở theo quy định của pháp luật.*

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Cả hai khai không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

- *Về án phí:* Nguyên đơn chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển 300.000đồng tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai số 005833 ngày 06/01/2020 tại Cục Thi hành án dân sự quận CR thành án phí.

- *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Căn cứ vào:**

- Các điều 28; 35; 39; 147; 227, 228; 266; 271; 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

**Tuyên xử:** *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Đỗ Thị G được ly hôn với ông Nguyễn Tấn T.
2. *Về con chung:* Giao 02 cháu tên là Nguyễn Gia H (nam), sinh ngày 20/01/2008 và Nguyễn Gia B (nam), sinh ngày 28/10/2012 cho ông Nguyễn Tấn T được tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt vấn đề cấp dưỡng.  
*Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà G, không ai được quyền cản trở theo quy định của pháp luật.*
3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Cả hai khai không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.
4. *Về án phí:* Nguyên đơn chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển 300.000đồng tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai số 005833 ngày 06/01/2020 tại Cục Thi hành án dân sự quận CR thành án phí.
5. *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND TPCT;
- VKSND Q. CR;
- Chi cục THA Q. CR;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Huỳnh Thị Kim Xuân**